

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 10/2024/HS-ST
Ngày 31/01/2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Chiu;

Ông Trương Sơn Lạng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắc Lắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắc Lắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Hoàng Trường G**, sinh ngày 20 tháng 6 năm 1984 tại tỉnh Lâm Đồng.

Nơi cư trú: Buôn Đắc T, xã K, huyện L, tỉnh Đắc Lắc; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn N, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1964; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1991 và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: 01; nhân thân: Ngày 26/8/2023 bị Công an huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “gây mất trật tự công cộng” nhưng chưa hết thời hiệu xóa tiền sự. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, *có mặt*.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Y P, sinh năm 2002, cư trú tại: Buôn Đắc T, xã K, huyện L, tỉnh Đắc Lắc;

2. Ông Y C, sinh năm 1978, cư trú tại: Buôn Đắc T, xã K, huyện L, tỉnh Đắc Lắc;

3. Bà H B, sinh năm 1980, cư trú tại: Buôn Đắc T, xã K, huyện L, tỉnh Đắc Lắc

LẮk;

4. Bà H N, sinh năm 1978, cư trú tại: Buôn Y, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

5. Bà Trần Thị T, sinh năm 1968, cư trú tại: Buôn P, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

(Tất cả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian sinh sống tại xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Hoàng Trường G tìm hiểu thấy nhiều người có hoàn cảnh khó khăn có nhu cầu vay tiền để đầu tư, tiêu dùng nên bị cáo đã nảy sinh ý định và thực hiện hành vi cho nhiều người có nhu cầu vay tiền với lãi suất cao để thu lợi nhuận nhanh. Cách thức thực hiện, bị cáo Giang sử dụng điện thoại số 0933771155 hoặc qua ứng dụng mạng xã hội Facebook và Zalo tên “Giang H” để cho mọi người có nhu cầu vay tiền biết và liên lạc. Hình thức bị cáo thực hiện cho vay tiền đứng, yêu cầu người vay viết giấy nợ, không yêu cầu phải thế chấp tài sản hay giấy tờ gì, tính lãi từ 3.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày đến 20.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tương đương lãi suất từ 109,5%/năm đến 730%/năm, thời hạn 10 ngày thu lãi một lần (tính là một kỳ đóng lãi). Đến thời hạn trả tiền lãi bị cáo trực tiếp đến gặp từng người để thu tiền hoặc yêu cầu người vay chuyển tiền vào số tài khoản MB 7777888845678 mở tại Ngân hàng Quân đội mang tên Hoàng Trường G. Trong thời gian từ ngày 21/4/2022 đến tháng 8/2023, bị cáo đã cho 04 người dân vay tiền với lãi xuất cao, cụ thể như sau:

Người vay thứ nhất: Ngày 21/4/2022, anh Y P, sinh năm 2002, trú tại buôn Đắk T, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk đã thỏa thuận và đồng ý vay của bị cáo số tiền gốc 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*); hình thức vay tiền đứng, tính lãi 3.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm, 10 ngày thu lãi một lần (01 kỳ lãi tương ứng với số tiền 300.000 đồng). Đến ngày 21/5/2022, anh Y Phong đã trả tiền lãi vay trong 30 ngày, tương ứng với số tiền 900.000 đồng (*chín trăm nghìn đồng*). Theo quy định của pháp luật (khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015) thì tiền lãi cao nhất không quá 20%/năm của khoản tiền vay, như vậy số tiền vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, tương ứng số tiền lãi là 164.384 đồng, bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền là (900.000 đồng - 164.384 đồng) = **735.616** đồng (*bảy trăm ba lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng*). Khoản vay này anh Y Phong đã trả số tiền gốc 10.000.000 đồng cho G.

Người vay thứ hai: Ngày 19/7/2022 anh Y C, sinh năm 1978, trú tại: buôn Đắk T, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk đã thỏa thuận và đồng ý vay của bị cáo G số tiền gốc 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*); hình thức vay tiền đứng, tính lãi 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tương đương với lãi suất là 182,5%/năm, 10 ngày thu lãi một lần (tính là một kỳ đóng lãi, số tiền phải đóng là 1.000.000 đồng/1 kỳ đóng lãi). Khoản vay này anh Y C đã đóng tiền lãi 35 kỳ (350 ngày), với tổng số tiền 35.000.000 đồng (*ba mươi lăm triệu đồng*). Theo quy định của pháp luật (khoản 1

Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015) thì tiền lãi cao nhất không quá 20%/năm của khoản tiền vay, như vậy khoản tiền vay 20.000.000 đồng, trong thời hạn vay 350 ngày, tương ứng số tiền lãi là 3.835.616 đồng, bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền (35.000.000 đồng - 3.835.616 đồng) = **31.164.384 đồng** (ba mươi một triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm tám bốn đồng). Đến thời điểm này thì anh Y C chưa trả số tiền gốc 20.000.000 đồng cho bị cáo.

Người vay thứ ba: Chị H B, sinh năm 1980, trú tại buôn Đắc T, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk đã 02 lần vay tiền của bị cáo, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Khoảng đầu tháng 7/2022, chị H B đã thỏa thuận và đồng ý vay của bị cáo số tiền gốc 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); hình thức vay tiền đứng, tính lãi là 20.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày tương đương với lãi suất là 730%/năm, 10 ngày thu lãi một lần (01 kỳ đóng lãi, tương ứng số tiền 2.000.000/1 kỳ). Đến đầu tháng 8/2022, chị H B đã đóng 3 kỳ (30 ngày) tiền lãi với số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng). Theo quy định của pháp luật (khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015) thì tiền lãi cao nhất không quá 20%/năm của khoản tiền vay, như vậy khoản tiền vay 10.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, tương ứng số tiền lãi là 164.384 đồng, bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền (6.000.000 đồng - 164.384 đồng) = **5.835.616 đồng** (năm triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm mười sáu đồng). Khoản vay này chị H B đã trả số tiền gốc 10.000.000 đồng cho bị cáo.

- Lần thứ hai: Khoảng đầu tháng 8/2022, sau khi trả số tiền vay lần thứ nhất. Chị H B tiếp tục thỏa thuận và đồng ý vay của bị cáo số tiền gốc 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng); hình thức vay tiền đứng, tính lãi là 20.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày tương đương với lãi suất là 730%/năm, 10 ngày thu lãi một lần (01 kỳ lãi tương ứng số tiền 3.000.000 đồng). Đến khoảng giữa tháng 9/2022, chị H B đã đóng 4 kỳ (40 ngày) tiền lãi với tổng số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng). Theo quy định của pháp luật (khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015) thì tiền lãi cao nhất không quá 20%/năm của khoản tiền vay, như vậy số tiền cho vay 15.000.000 đồng, thời hạn vay 40 ngày tương ứng số tiền lãi là 328.767 đồng, bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền (12.000.000 đồng - 328.767 đồng) = **11.671.233 đồng** (mười một triệu sáu trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng). Đến thời điểm này thì chị H B chưa trả số tiền gốc 15.000.000 đồng cho bị cáo Giang.

Người vay thứ tư: Chị H N, sinh năm 1978, trú tại buôn Y, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, đã 02 lần vay tiền của bị cáo Giang, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Khoảng đầu tháng 8/2022, Chị H N đã thỏa thuận và đồng ý vay của G số tiền gốc 10.000.000 đồng (mười triệu đồng); hình thức vay tiền đứng, tính lãi là 20.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày tương đương với lãi suất là 730%/năm, 10 ngày thu lãi một lần (01 kỳ lãi tương ứng với số tiền 2.000.000 đồng). Khoảng 10 ngày sau thời điểm vay, chị H N đã trả một kỳ lãi (10 ngày), với số tiền 2.000.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền gốc. Theo quy định của pháp luật (khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015) thì tiền lãi cao nhất không quá 20%/năm của khoản tiền vay, như vậy khoản vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày, tương ứng số tiền lãi là 54.795 đồng, bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền (2.000.000 đồng - 54.795 đồng) = **1.945.205 đồng** (một triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm linh năm đồng).

Khoản vay này chị H N đã trả số tiền gốc 10.000.000 đồng cho bị cáo.

- Lần thứ hai: Ngày 13/11/2022, Chị H N đã thỏa thuận và đồng ý vay của bị cáo số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*); hình thức vay tiền đứng, tính lãi là 20.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày tương đương với lãi suất là 730%/năm, 10 ngày thu lãi một lần (01 kỳ lãi tương ứng với số tiền 4.000.000 đồng). Khi giao số tiền vay G đã thu trước tiền lãi một kỳ đầu với số tiền 4.000.000 đồng và đưa lại cho chị H N số tiền 16.000.000 đồng. Khoản vay này, sau khi vay chị H N không có khả năng trả lãi theo đúng kỳ hạn nên đến ngày 18/12/2022 bị cáo đã tính số tiền lãi còn nợ của 2,5 kỳ lãi và thỏa thuận yêu cầu chị H N viết giấy nhận vay nợ của bị cáo với tổng số tiền 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*), bao gồm 20.000.000 đồng tiền gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi của 2,5 kỳ lãi chưa đóng lãi. Khoản vay này tổng số tiền lãi là 14.000.000 đồng bao gồm số tiền 4.000.000 đồng (bị cáo đã thu 01 kỳ lãi) và số tiền 10.000.000 đồng (Số tiền lãi bị cáo chưa thu nhưng đã chuyển hóa cộng thành tiền vay tại giấy vay tiền ngày 18/12/2023 nên theo quy định tại Khoản 5, Điều 7 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thì bị cáo Giang phải chịu trách nhiệm hình sự theo khung hình phạt tương ứng với tổng số tiền thu lợi bất chính nhằm đạt được trong thời gian 3,5 kỳ (35 ngày). Theo quy định của pháp luật (khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015) thì tiền lãi cao nhất không quá 20%/năm của khoản tiền vay, như vậy khoản vay số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 35 ngày, tương ứng số tiền lãi là 378.000 đồng bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền (14.000.000 đồng - 383.562 đồng) = **13.616.438** đồng. Quá trình điều tra xác định khoản vay này là chị H B thỏa thuận nhờ chị H N đứng ra thỏa thuận vay hộ của bị cáo, vì lý do chị H B đang còn nợ số tiền gốc của bị cáo chưa trả. Đến nay khoản vay này chị H N chưa trả số tiền gốc 20.000.000 đồng cho bị cáo Giang. Ngày 23/6/2023, giữa chị H N, chị H B và Hoàng Trường G đã thỏa thuận chuyển toàn bộ số tiền gốc 20.000.000 đồng mà chị H N còn nợ sang cho chị H B phải có nghĩa vụ trả cho bị cáo nhưng không tính lãi.

Vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 04/2022 đến tháng 8/2023, bị cáo Hoàng Trường G đã cho 04 người vay tiền với lãi xuất cao, gồm anh Y P, anh Y C, chị H B và chị H N, cùng cư trú trên địa bàn xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, cho vay 6 lượt, với tổng số tiền là **85.000.000 đồng** (tám mươi lăm triệu đồng), mức lãi suất tương đương từ 109,5%/năm đến 730%/năm (theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì tiền lãi cao nhất không quá 20%/năm của khoản tiền vay) và đã thu lợi bất chính tổng số tiền là **64.968.492** đồng.

Tại phiên tòa bị cáo Hoàng Trường G khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk đã truy tố.

Cáo trạng số 28/CT-VKS ngày 29/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk truy tố bị cáo Hoàng Trường G về tội “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk giữ quyền công tố, luận tội và tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Trường Gi phạm tội “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm

s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Trường Giang số tiền từ 55.000.000 đồng (*năm mươi lăm triệu đồng*) đến 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*)

Về trách nhiệm dân sự: Không.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra Công an huyện Lắc đã thu giữ các vật chứng, gồm: 01 điện thoại di động Iphone 14, số IMEI 1: 355313407999505, số IMEI 2: 355313408784807 kèm sim điện thoại mạng Viettel số thuê bao 0933771155. Quá trình điều tra xác định điện thoại kèm số thuê bao này là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo, bị cáo đã sử dụng để thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng và thu tiền lãi nên đề nghị tịch thu, sung công quỹ nhà nước điện thoại và tịch thu tiêu hủy sim điện thoại.

- Đối với tổng số tiền 55.242.465 đồng mà bị cáo đã thu lợi bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng, bị cáo đã sử dụng tiêu xài cá nhân nên cần phải buộc bị cáo hoàn trả lại cho những người vay, cụ thể: Hoàn trả lại cho anh Y C số tiền 31.164.384 đồng; hoàn trả lại cho chị H B tổng số tiền 17.506.849 đồng; hoàn trả lại cho chị H N số tiền 5.835.616 đồng; hoàn trả lại cho anh Y P số tiền 735.616 đồng.

- Đối với tổng số tiền 4.931.508 đồng là tiền lãi xuất theo quy định của pháp luật (lãi xuất 20%/năm) mà bị cáo đã thu của những người vay tiền cần phải truy thu số tiền 4.931.508 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với tổng số tiền 55.000.000 đồng là tiền gốc mà người vay chưa trả cho bị cáo nên cần phải truy thu của những người vay sung vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể: Truy thu của anh Y C số tiền 20.000.000 đồng; truy thu của chị H B tổng số tiền 35.000.000 đồng.

- Đối với căn nhà cấp 4, có diện tích 6mx18m tại buôn Đắc T, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk mà bị cáo đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội cho vay lãi nặng, quá trình điều tra xác định căn nhà này thuộc sở hữu của bà Trần Thị T và ông Nguyễn Ngọc Th, trú tại buôn P, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, là bố mẹ vợ của bị cáo, ông T, bà Th cho bị cáo G và vợ là Nguyễn Thị Kim H mượn để ở. Việc bị cáo sử dụng căn nhà này để thực hiện hành vi phạm tội cho vay lãi nặng thì bà T, ông Th không biết nên đề nghị không đề cập xử lý đối với căn nhà này.

- Đối với chị Nguyễn Thị Kim H là vợ của bị cáo. Quá trình điều tra xác định, trong thời gian bị cáo thực hiện hành vi cho vay lãi nặng, giữa chị H và bị cáo đã xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, đã sống ly thân và nộp đơn xin ly hôn lên Tòa án nên bị cáo đã ra ngoài thuê phòng trọ ở riêng. Chị H có công việc riêng, thu nhập ổn định không phụ thuộc vào bị cáo. Vì vậy, trong quá trình thực hiện hành vi cho vay lãi nặng, thu lợi bất chính thì bị cáo đã sử dụng số tiền này tiêu xài cá nhân, không bàn bạc hay trao đổi với chị H nên đề nghị không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự đối với chị Nguyễn Thị Kim H.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lắc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về mặt thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử (HĐXX) có đủ cơ sở để kết luận: Vì động cơ vụ lợi và ý thức coi thường pháp luật nên trong khoảng thời gian từ tháng 04/2022 đến tháng 8/2023 bị cáo Hoàng Trường G đã sử dụng số tiền gốc 55.000.000 đồng cho 04 người vay với lãi suất cao, gồm anh Y P, anh Y C, chị H B và chị H N, cùng cư trú tại địa bàn xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk vay 6 lượt với tổng số tiền là 85.000.000 đồng (*tám mươi lăm triệu đồng*), tính lãi suất từ 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày đến 20.000 đồng/1 triệu/1 ngày, mức lãi suất tương đương từ 109,5%/năm đến 730%/năm (theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì tiền lãi cao nhất không quá 20%/năm, tức là 1,66%/tháng) và đã thu lợi bất chính tổng số tiền **64.968.492** đồng. Số tiền này bị cáo đã sử dụng hết vào mục đích tiêu xài cá nhân. Như vậy hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

“Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

.....”

[3] Bị cáo là người có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, buộc bị cáo phải biết tài sản của mọi người dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đều bị xử lý nghiêm minh, nhưng do ý thức coi thường pháp luật, tham lam tư lợi cá nhân bị cáo đã cố ý phạm tội nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội mà mình gây ra. Tuy nhiên xét bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, không có tình tiết tăng nặng, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo nên khi quyết định

hình phạt cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo. Bị cáo phạm tội vì động cơ, mục đích do tư lợi cá nhân, không có tính chất chuyên nghiệp và chỉ thực hiện một mình không hoạt động dưới hình thức băng, ổ nhóm; số tiền gốc sử dụng vào việc cho vay không lớn nên xem xét áp dụng nghiêm khắc hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo cũng đảm bảo tính răn đe và giáo dục, phòng ngừa chung trong đời sống xã hội về loại tội phạm này.

[4] Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắk truy tố bị cáo về tội “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự và các đề nghị tại phiên tòa xét thấy là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[5] Về xử lý tiền, vật liên quan trực tiếp đến tội phạm: Áp dụng khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, xét thấy:

[5.1] Đối với tổng số tiền 55.242.465 đồng mà bị cáo đã thu lợi bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng, bị cáo đã sử dụng tiêu xài cá nhân nên cần phải buộc bị cáo phải hoàn trả lại cho những người vay, cụ thể: Hoàn trả lại cho anh Y C số tiền 31.164.384 đồng; hoàn trả lại cho chị H B tổng số tiền 17.506.849 đồng; Hoàn trả lại cho chị H N số tiền 5.835.616 đồng; Hoàn trả lại cho anh Y P số tiền 735.616 đồng.

[5.2] Đối với tổng số tiền 4.931.508 đồng là tiền lãi xuất theo quy định của pháp luật (lãi xuất 20%/năm) mà bị cáo G đã thu của những người vay tiền cần phải truy thu số tiền 4.931.508 đồng sung vào Ngân sách Nhà nước.

[5.3] Đối với tổng số tiền 55.000.000 đồng là tiền gốc mà người vay chưa trả cho bị cáo nên cần phải truy thu của những người vay sung vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể: Truy thu của anh Y C số tiền 20.000.000 đồng; Truy thu của chị H B tổng số tiền 35.000.000 đồng.

[5.4] Đối với căn nhà cấp 4, có diện tích 6mx18m, địa chỉ tại buôn Đắc T, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk mà bị cáo đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội cho vay lãi nặng. Quá trình điều tra xác định căn nhà này thuộc sở hữu của bà Trần Thị T và ông Nguyễn Ngọc Th, trú tại buôn P, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, là bố mẹ vợ của bị cáo G. Ông Th, bà T cho bị cáo và vợ là Nguyễn Thị Kim H mượn để ở. Việc bị cáo sử dụng căn nhà này để thực hiện hành vi phạm tội cho vay lãi nặng thì bà T, ông Th không biết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với căn nhà này là phù hợp.

[5.5] Đối với chị Nguyễn Thị Kim H là vợ của bị cáo Giang, quá trình điều tra xác định, trong thời gian bị cáo thực hiện hành vi cho vay lãi nặng, giữa chị H và bị cáo xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân và nộp đơn xin ly hôn lên Tòa án nên bị cáo thuê phòng trọ ở riêng. Chị H có công việc riêng, thu nhập ổn định không phụ thuộc vào bị cáo. Vì vậy, trong quá trình thực hiện hành vi cho vay lãi nặng, thu lợi bất chính thì bị cáo đã sử dụng số tiền này tiêu xài cá nhân, không bàn bạc hay trao đổi với chị H nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự đối

với chị Nguyễn Thị Kim H là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, xét thấy việc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Lắc đã thu giữ các vật chứng, gồm: 01 điện thoại di động Iphone 14, số IMEI 1: 355313407999505, số IMEI 2: 355313408784807 kèm sim điện thoại mạng Viettel số thuê bao 0933771155. Quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại kèm số thuê bao này là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị cáo, bị cáo đã sử dụng để thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng và thu tiền lãi nên phải tịch thu, sung công quỹ nhà nước đối với điện thoại và tịch thu tiêu hủy đối với sim của điện thoại này.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Không

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Hoàng Trường G** phạm tội “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hoàng Trường G số tiền **55.000.000 đồng** (năm mươi lăm triệu đồng)

3. Về xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

- Tịch thu, sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 14, số IMEI 1: 355313407999505, số IMEI 2: 355313408784807.

- Tịch thu, tiêu hủy sim điện thoại mạng Viettel số thuê bao 0933771155.

(Đặc điểm các vật chứng như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/01/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Lắc và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L).

4. Về trách nhiệm dân sự: Không.

5. Về xử lý tiền, vật liên quan trực tiếp đến vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021;

- Buộc bị cáo phải hoàn trả lại cho anh Y C số tiền 31.164.384 đồng (*ba mươi một triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng*). Hoàn trả lại cho chị H B số tiền 17.506.849 đồng (*mười bảy triệu năm trăm lẻ sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng*). Hoàn trả lại cho chị H N số tiền 5.835.616 đồng (*năm triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu nghìn đồng*). Hoàn trả lại cho anh Y P số tiền 735.616 đồng (*bảy trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng*)

- Truy thu số tiền 4.931.508 đồng (*bốn triệu chín trăm ba mươi một nghìn năm trăm lẻ tám đồng*) là tiền lãi xuất theo quy định của pháp luật (lãi xuất 20%/năm) mà

bị cáo Giang đã thu của nhưng người vay tiền để sung vào Ngân sách Nhà nước

- Truy thu của anh Y C số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*); truy thu của chị H B số tiền 35.000.000 đồng (*ba mươi lăm triệu đồng*) đều là những tiền gốc mà người vay chưa trả cho bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- CQCSĐTCA huyện Lắk;
- CCTHADS huyện Lắk;
- Bị cáo; nguyên đơn dân sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Công Cường